| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO**<br>**TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

Bản án số: 599/2022/DS-PT
Ngày: 30 - 8 - 2022
V/v Tranh chấp quyền sử dụng đất, hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và đòi bồi thường thiệt hại về tài sản

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Hòa Hiệp

*Các Thẩm phán:* Bà Trần Thị Thúy Hồng

Bà Nguyễn Thị Ngọc Hoa

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Tiếu Phương Quyền - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:*** Bà Phạm Thị Út - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 224/2022/TLPT-DS ngày 20 tháng 6 năm 2022 về việc "Tranh chấp quyền sử dụng đất, hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và đòi bồi thường thiệt hại về tài sản".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 15/2022/DS-ST ngày 22 tháng 3 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1374/2022/QĐ-PT ngày 26 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Văn NĐ, sinh năm 1950 (vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp T1, xã T2, huyện G, tỉnh Long An.

Người đại diện theo ủy quyền của ông NĐ: Ông Giã Văn A, sinh năm 1956 (có mặt);

Địa chỉ: Ấp T1, xã T2, huyện G, tỉnh Long An.

- *Bị đơn:* Ông Phạm Văn BĐ, sinh năm 1938 (vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp T3, xã T2, huyện G, tỉnh Long An.

Người đại diện theo ủy quyền của ông BĐ: Ông Phạm Văn S, sinh năm: 1975 (có mặt);

Địa chỉ: Ấp T5, xã T4, huyện G, tỉnh Long An.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Đào Thị L, sinh năm: 1950 (vắng mặt);

Người đại diện theo ủy quyền của bà L: Ông Giã Văn A, sinh năm: 1956 (có mặt);

Cùng địa chỉ: Ấp T1, xã T2, huyện G, tỉnh Long An.

2. Bà Trần Thị H, sinh năm: 1942 (vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp 2, xã T6, huyện C, tỉnh Long An.

3. Ủy ban nhân dân huyện G, tỉnh Long An.

Địa chỉ: Khu phố 4, thị trấn G, huyện G, tỉnh Long An.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Tuấn X; Chức vụ: Chủ tịch (vắng mặt);

Người đại diện theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân huyện G: Ông Nguyễn Hoài X1 - Trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện G (vắng mặt);

- *Người kháng cáo*: Bị đơn là ông Phạm Văn BĐ.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

***Theo bản án sơ thẩm nội dung vụ án được tóm tắt như sau:***

*Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Nguyễn Văn NĐ do người đại diện là ông Giã Văn A trình bày:*

Nguồn gốc phần đất tranh chấp giữa ông Nguyễn Văn NĐ với ông Phạm Văn BĐ là của ông Giã Văn H khai hoang từ trước năm 1975, loại đất trồng lá dừa nước, gia đình đốn xài hàng năm. Sau đó, theo ông biết sau khi ông Hào chết thì ông cố của ông là ông Giã Văn A1 quản lý, sử dụng, đến khi ông An qua đời thì đến ông nội của ông là ông Giã Văn B quản lý, sử dụng, sau khi ông Bài chết thì để lại cho cô ruột ông là bà Giã Thị U quản lý, sử dụng, khi bà U chết thì để lại cho con ruột là ông Nguyễn Văn NĐ quản lý, sử dụng đến nay.

Năm 1997, Nhà nước có chủ trương cho đăng ký kê khai quyền sử dụng đất, gia đình của ông NĐ cũng kê khai nhiều thửa đất gần đó, nhưng không phát hiện phần đất tranh chấp không được cấp, ông NĐ cứ nghĩ là phần đất tranh chấp được cấp chung trong các thửa đất của ông NĐ. Đến năm 2018, gia đình của ông BĐ ngang nhiên xuống đốn lá, gia đình ông và ông NĐ ngăn cản thì con ông BĐ nói là đất do gia đình ông BĐ đứng tên nên có quyền đốn, từ đó mới biết là đất do ông NĐ quản lý, sử dụng nhưng ông BĐ là người đứng tên quyền sử dụng đất, nên ông NĐ khởi kiện đến nay.

Nay ông đại diện cho ông NĐ yêu cầu hủy 01 phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân huyện G cấp cho ông Phạm Văn BĐ, số vào sổ 2150 QSDĐ 0318 – LA ngày 28/7/2000 đối với 01 phần thửa đất 2459, tờ bản đồ số 7, loại đất lúa, tại ấp T1, xã T2, huyện G, tỉnh Long An. Yêu cầu ông BĐ trả lại quyền sử dụng đất đối với phần diện tích đất 694m$^2$, theo Mảnh trích đo địa chính số 87 – 2019.

Đối với phần yêu cầu bồi thường thiệt hại lá do bị bên phía ông BĐ đốn thì nay ông rút lại yêu cầu khởi kiện phần này.

*Bị đơn ông Phạm Văn BĐ do ông Phạm Văn S đại diện trình bày:*

Nguồn gốc phần đất tranh chấp 694m$^2$ là của ông Trần Văn V là ông ngoại ông, sinh năm 1915, chết năm 1999 quản lý, sử dụng đất từ trước năm 1970. Đến năm 1972 ông Vầy để lại cho cha mẹ ông là ông BĐ và bà Trần Thị H (vợ ông BĐ) quản lý, sử dụng đến nay. Do đó, từ năm 1976 đến nay vợ chồng ông BĐ – bà H trực trực tiếp đóng thuế các thửa đất mà ông Vầy cho, trong đó có 01 phần thửa đất 2459 đang tranh chấp. Suốt quá trình sử dụng đất từ đời ông Vầy đến đời cha mẹ ông thì đất chuyên trồng lúa nước, còn phần đất trũng đang tranh chấp thì lá dừa nước tự mọc. Đến năm 2000, ông BĐ đi đăng ký kê khai và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Trước năm 2018, ông BĐ sử dụng đốn lá thì không ai tranh chấp, nhưng kể từ năm 2018 phía gia đình ông đến đốn lá dừa nước thì bị gia đình ông NĐ ngăn cản và khởi kiện đến nay. Hiện nay Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất 2459 gia đình ông đang cất giữ ở nhà chứ không có thế chấp cho ngân hàng hay cho cá nhân nào cả.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân huyện G trình bày tại Văn bản số 2450/UBND-NC ngày 16/9/2019 như sau:*

Ủy ban nhân dân huyện G có tiếp nhận Công văn số 342/CV.TA ngày 03/9/2019 của Tòa án nhân dân huyện G về việc yêu cầu cung cấp thông tin việc Ủy ban nhân dân huyện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất 2459, tờ bản đồ số 7, xã T2 vào ngày 28/7/2000 là cấp cho "cá nhân" ông Phạm Văn BĐ nhưng do mẫu Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có chữ "hộ"

hay cấp cho cả "hộ" ông Phạm Văn BĐ, trường hợp cấp cho cả "hộ" đề nghị cung cấp thông tin những người có liên quan.

Ủy ban nhân dân huyện có ý kiến như sau: Qua sao lục hồ sơ tại kho lưu trữ thì không tìm thấy hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 2459, tờ bản đồ số 7, đất tọa lạc xã T2 được Ủy ban nhân dân huyện G cấp cho Hộ gia đình ông (bà) Phạm Văn BĐ vào ngày 28/7/2000. Do đó, chưa thể xác định được việc Ủy ban nhân dân huyện G cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất nêu trên cho "cá nhân" ông Phạm Văn BĐ hay cấp cho cả "hộ" ông Phạm Văn BĐ.

*Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 15/2022/DS-ST ngày 22 tháng 3 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An quyết định:*

1. Đình chỉ xét xử đối với một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn NĐ về yêu cầu bồi thường thiệt hại lá bị đốn.

Ông Nguyễn Văn NĐ có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết lại đối với yêu cầu bồi thường thiệt hại này.

2. Giao cho ông Nguyễn Văn NĐ tiếp tục quản lý, sử dụng đối với phần diện tích đất 694m$^2$, tại vị trí khu A theo Mảnh trích đo địa chính số 87 – 2019 do Công ty TNHH đo đạc nhà đất Hưng Phú đo vẽ được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện G duyệt ngày 22/5/2019.

3. Chấp nhận yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Nguyễn Văn NĐ.

Hủy 01 phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân huyện G cấp cho ông Phạm Văn BĐ, số vào sổ 2150 QSDĐ 0318 – LA ngày 28/7/2000 đối với 01 phần thửa đất 2459, diện tích 694m$^2$, tờ bản đồ số 7, loại đất lúa, tọa lạc tại ấp T1, xã T2, huyện G, tỉnh Long An (diện tích 694m$^2$ thuộc vị trí khu A theo Mảnh trích đo địa chính số 87 – 2019 do Công ty TNHH đo đạc nhà đất Hưng Phú đo vẽ được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện G duyệt ngày 22/5/2019).

Các đương sự có nghĩa vụ liên hệ cơ quan nhà nước có thẩm quyền để điều chỉnh, kê khai, đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra, bản án còn quyết định về án phí sơ thẩm, chi phí tố tụng và thông báo về quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 31/3/2022, bị đơn ông Phạm Văn BĐ kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

***Tại phiên tòa phúc thẩm:***

Bị đơn ông Phạm Văn BĐ, có người đại diện theo ủy quyền là ông Phạm Văn S trình bày vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử sửa toàn bộ bản án sơ thẩm theo hướng bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn NĐ với lý do:

Nguồn gốc phần đất tranh chấp 694m$^2$ là của ông Trần Văn V (cha ruột của ông BĐ) sử dụng đất từ trước năm 1970. Đến năm 1972 ông Vầy để lại cho ông BĐ và bà Trần Thị H (vợ của ông BĐ) quản lý, sử dụng đến nay. Từ năm 1976, vợ chồng ông BĐ bà H trực tiếp đóng thuế các thửa đất mà ông Vầy cho, trong đó có 01 phần thửa đất 2459 đang tranh chấp. Suốt quá trình sử dụng đất từ đời ông Vầy đến đời ông BĐ Bà H thì đất chuyên trồng lúa nước, còn phần đất trũng đang tranh chấp thì lá dừa nước tự mọc. Đến năm 2000, ông BĐ đi đăng ký kê khai và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Phía bị đơn đồng ý nguyên đơn có sử dụng đất, nhưng không phải là diện tích 694m$^2$. Hơn nữa, các hộ dân làm chứng ông NĐ có sử dụng lá, không biết diện tích cụ thể và ranh; trước giờ giữa nguyên đơn, bị đơn chưa thống nhất ranh.

Nguyên đơn ông Nguyễn Văn NĐ, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đào Thị L, cùng có người đại diện theo ủy quyền là ông Giã Văn A trình bày: Tòa án cấp sơ thẩm xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, hợp tình hợp lí, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự; đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, y án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh trình bày quan điểm:

Về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng. Các đương sự thực hiện quyền, nghĩa vụ theo đúng quy định pháp luật.

Về nội dung: Phần đất tranh chấp có diện tích 694m$^2$ thuộc một phần thửa đất số 2459, được Ủy ban nhân dân huyện G cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 28/7/2000 cho ông Phạm Văn BĐ. Tuy nhiên, bị đơn được cấp giấy đại trà, Ủy ban nhân dân huyện Cần Giuộc không tiến hành đo đạc, xác minh thực tế. Căn cứ lời khai những người làm chứng sống gần đất tranh chấp đã xác định được lá trên phần đất tranh chấp là của gia đình ông NĐ trồng và thu hoạch từ trước cho đến nay nhưng Ủy ban nhân huyện Cần Giuộc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Tới là không đúng đối tượng sử dụng và ông Tới đốn lá, cản trở quyền sử dụng đất của ông Cần nên yêu cầu khởi kiện của ông Cần là có cơ sở. Xét thấy, phần đất tranh chấp do bên phía gia đình ông NĐ quản lý, đốn lá sử

dụng hàng năm, lâu dài nên giao cho gia đình ông NĐ tiếp tục quản lý, sử dụng là phù hợp.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn không xuất trình các tài liệu chứng cứ mới để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình nên đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của ông Phạm Văn BĐ, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Căn cứ các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét:

[1] Về tố tụng:

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị H đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không rõ lý do. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân huyện G có người đại diện theo ủy quyền là ông Nguyễn Hoài X1 có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 2, khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Toà án tiến hành phiên toà phúc thẩm xét xử vắng mặt người tham gia tố tụng trên.

[2] Về nội dung yêu cầu kháng cáo:

Theo đơn khởi kiện, nguyên đơn ông Nguyễn Văn NĐ khởi kiện yêu cầu ông Phạm Văn BĐ trả lại diện tích 694m$^2$, thuộc thửa số 2459, tờ bản đồ số 7, tại ấp T1, xã Tân Lập, huyện G, tỉnh Long An và yêu cầu hủy phần giấy chứng nhận liên quan đến diện tích đất tranh chấp trên, cấp cho ông Phan Văn Tới, số vào sổ 2150 QSDĐ 0318-LA ngày 28/7/2000.

Căn cứ vào Biên bản lấy lời khai ngày 10/10/2018 của ông Phạm Văn S (đại diện ủy quyền của bị đơn) trình bày: "…*Trước đó ông ngoại tôi có cho một số hộ dân sống gần thửa 2459 trồng lá dừa nước trên thửa đất này nhưng có giao ước là đến khi nào gia đình tôi cần thì sẽ lấy lại đất. Đến khi để lại cho mẹ tôi thì ông ngoại tôi cũng có nói là có cho một số hộ dân trồng lá để sử dụng vì gia đình cũng để đất trống, trong số những người xin trồng lá chỉ có họ hàng ông NĐ chứ ông NĐ không có xin, lúc đầu gia đình chỉ cho trồng 01 hàng lá dừa nước, sau này lá dừa nước nhảy con ra. Hơn nữa gia đình ông cũng có trồng lá dừa nước nên không phân biệt đâu là phần cho những hộ dân trồng đâu là phần của gia đình trồng…*".

Lời trình bày của ông S phù hợp với lời khai của các nhân chứng như: Ông Nguyễn Văn NLC1, ông Giã Văn NLC2, ông Tô Thành NLC3, ông Nguyễn Văn NLC4, ông Nguyễn Ngọc NLC5, ông Nguyễn Phước NLC6, ông Nguyễn Văn NLC7, ông Nguyễn Văn NLC8, ông Giã Văn NLC9, bà Nguyễn Thị

NLC10 là phần đất lá gia đình ông NĐ quản lý sử dụng qua nhiều đời và quản lý, sử dụng đến nay.

Ông S cho rằng gia đình ông có thỏa thuận cho một số hộ dân trồng lá sử dụng chứ không phải ông NĐ, nhưng qua xác minh thì chỉ có gia đình ông NĐ quản lý, sử dụng chứ không có hộ dân nào khác đối với phần đất tranh chấp. Tại biên bản hòa giải ngày 10/8/2018 tại Ủy ban nhân dân xã T2, ông Phạm Văn S có trình bày: *"...Tôi chỉ chặt lá trên đất của tôi thửa 2459, tờ bản đồ số 7. Tôi đồng ý là lá dừa do bên ông A trồng nhưng đất là của gia đình tôi. Tôi không đồng ý cắt đất cho bên ông A..."*.

Mặt khác, theo các Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ thì trên phần diện tích đất tranh chấp không toàn bộ là đất trũng trồng lá mà còn có 01 phần gò lạng ngang khoảng 4m, dài khoảng 10 m trên đất có 02 cây điệp loại A, 01 cây điệp loại B và 02 cây điệp loại D. Theo ông Giã Văn A trình bày phần gò có từ đời ông bà của ông cất chòi trên đất để cột trâu trên đó. Ông S tranh luận rằng nếu là đất của gia đình ông NĐ nhưng vì sao từ trước đến giờ không đăng ký, kê khai quyền sử dụng đất. Ông A cho rằng gia đình ông cứ nghĩ là phần đất tranh chấp đã được đăng ký trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông hoặc ông NĐ rồi chứ không biết cấp nhầm qua ông BĐ vì tiếp giáp với thửa đất 2459 đang tranh chấp còn có các thửa 2460, 2461 và 2462 của ông và gia đình ông NĐ, qua đối chiếu thì có các thửa đất tiếp giáp nêu trên.

[3] Tòa án cấp sơ thẩm xác định phần đất tranh chấp là của gia đình ông NĐ trồng và thu hoạch từ trước cho đến nay nhưng Ủy ban nhân dân huyện Cần Giuộc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Tới khi không có tiến hành đo đạc, xác minh thực tế nên có cấp nhầm phần đất cho không đúng đối tượng sử dụng và ông Tới đốn lá, cản trở quyền sử dụng đất của ông Cần nên ông Cần khởi kiện yêu cầu hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là có căn cứ pháp luật.

Từ trước đến nay đều do gia đình ông NĐ quản lý, sử dụng, từ khi khởi kiện đến nay bên phía ông NĐ do ông A đại diện cũng đều khẳng định từ trước đến nay phần đất tranh chấp do bên phía gia đình ông NĐ quản lý, sử dụng đốn lá hàng năm. Cho nên giao diện tích đất tranh chấp cho gia đình ông NĐ tiếp tục quản lý, sử dụng như án sơ thẩm tuyên xử là có căn cứ.

Bị đơn ông Phạm Văn BĐ kháng cáo nhưng không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ nào mới. Do đó, từ những nhận định như trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm quyết định không chấp nhận kháng cáo của ông BĐ, giữ nguyên bản án sơ thẩm như đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại phiên tòa.

[4] Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm:

Ông Phạm Văn BĐ sinh năm 1938 là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên được miễn nộp tiền án phí theo điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên;*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Không chấp nhận kháng cáo của ông Phạm Văn BĐ, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

Căn cứ các Điều 26, 34, 37, 39, 147, 244 và 483 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 99 Luật đất đai năm 2013; Các Điều 12, 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Đình chỉ xét xử đối với một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn NĐ về yêu cầu bồi thường thiệt hại lá bị đốn.

Ông Nguyễn Văn NĐ có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết lại đối với yêu cầu bồi thường thiệt hại này.

2. Giao cho ông Nguyễn Văn NĐ tiếp tục quản lý,sử dụng đối với phần diện tích đất 694m$^2$, tại vị trí khu A theo Mảnh trích đo địa chính số 87 – 2019 do Công ty TNHH đo đạc nhà đất Hưng Phú đo vẽ được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện G duyệt ngày 22/5/2019.

3. Chấp nhận yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Nguyễn Văn NĐ.

Hủy 01 phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân huyện G cấp cho ông Phạm Văn BĐ, số vào sổ 2150 QSDĐ 0318 – LA ngày 28/7/2000 đối với 01 phần thửa đất 2459, diện tích 694m$^2$, tờ bản đồ số 7, loại đất lúa, tọa lạc tại ấp T1, xã T2, huyện G, tỉnh Long An (diện tích 694m$^2$thuộc vị trí khu A theo Mảnh trích đo địa chính số 87 – 2019 do Công ty TNHH đo đạc nhà đất Hưng Phú đo vẽ được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện G duyệt ngày 22/5/2019).

Các đương sự có nghĩa vụ liên hệ cơ quan nhà nước có thẩm quyền để điều chỉnh, kê khai, đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

4. Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Phạm Văn BĐ được miễn.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và Điều 9 Luật Thi hành án Dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án./.

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**

**CÁC THẨM PHÁN** **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Thị Thúy Hồng** **Nguyễn Thị Ngọc Hoa** **Trần Thị Hòa Hiệp**